

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CHÂU Á
THÁI BÌNH DƯƠNG
-----***-----

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

QUÝ II NĂM 2015

HÀ NỘI THÁNG 07/2015

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2015

Đơn vị tính : VND

TÀI SẢN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	30/06/2015	01/01/2015
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		364,241,646,368	195,684,557,839
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	3	94,067,021,387	13,569,330,576
1. Tiền	111		14,658,021,387	4,569,330,576
2. Các khoản tương đương tiền	112		79,409,000,000	9,000,000,000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		22,327,572,772	22,380,967,589
1. Đầu tư ngắn hạn	121	4	24,886,186,772	24,902,241,589
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129	5	(2,558,614,000)	(2,521,274,000)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		200,396,527,474	109,161,844,615
1. Phải thu của khách hàng	131		213,477,095	213,477,095
2. Trả trước cho người bán	132		34,363,811,539	46,595,638,229
5. Các khoản phải thu khác	138	6	166,032,715,935	62,566,206,386
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(213,477,095)	(213,477,095)
IV. Hàng tồn kho	140		1,551,408,418	13,810,610,476
1. Hàng tồn kho	141		1,551,408,418	13,810,610,476
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		45,899,116,317	36,761,804,583
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	7	-	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	15	3,616,619,135	4,358,381,381
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.8	105,889,000	184,000
4. Tài sản ngắn hạn khác	159	8	42,176,608,182	32,403,239,202
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		242,170,912,740	378,553,177,464
II. Tài sản cố định	220		141,686,949,738	277,901,753,962
1. TSCĐ hữu hình	221	9	542,398,011	619,266,041
- Nguyên giá	222		1,537,360,605	1,537,360,605
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(994,962,594)	(918,094,564)
3. TSCĐ vô hình	228	10	-	-
- Nguyên giá	229		52,888,000	52,888,000
- Giá trị hao mòn lũy kế	230		(52,888,000)	(52,888,000)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	231	11	141,144,551,727	277,282,487,921
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		96,304,500,500	96,323,567,502
1. Đầu tư vào Công ty con	251	12	-	-
2. Đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh	252	13	55,970,100,500	55,989,167,502
3. Đầu tư dài hạn khác	258	14	40,334,400,000	40,334,400,000
VI. Tài sản dài hạn khác	270		4,179,462,502	4,327,856,000
1. Chi phí trả trước dài hạn	271		7,462,502	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		4,172,000,000	4,327,856,000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	280		606,412,559,108	574,237,735,303

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2015_x

(tiếp theo)

Đơn vị tính : VND

NGUỒN VỐN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	30/06/2015	01/01/2015
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		181,059,291,792	295,330,116,860
I. Nợ ngắn hạn	310		139,192,745,292	246,187,714,360
1. Vay và nợ ngắn hạn	311		-	15,000,000,000
2. Phải trả người bán	312		962,030,950	94,045,270,579
4. Thuế và các khoản phải trả nhà nước	314	15	11,373,354,402	505,014,218
5. Phải trả người lao động	315		411,139,253	357,320,075
6. Chi phí phải trả	316		23,738,376	23,738,376
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		126,424,928,929	136,258,817,730
11 Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		(2,446,618)	(2,446,618)
II. Nợ dài hạn	330		41,866,546,500	49,142,402,500
3. Phải trả dài hạn khác	333	VII.2.9	41,866,546,500	49,142,402,500
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		425,333,255,879	278,887,600,430
I. Vốn chủ sở hữu	410	16	425,333,255,879	278,887,600,430
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		364,000,000,000	264,000,000,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		46,144,781,818	48,496,600,000
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		1,268,874,614	1,268,874,614
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		24,751,612	24,751,612
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		13,894,847,835	(34,902,625,796)
C Lợi ích của cổ đông thiểu số			20,011,437	20,018,013
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		606,412,559,108	574,237,735,303

Hà Nội, ngày 10 tháng 07 năm 2015

KẾ TOÁN TRƯỞNG

NGUYỄN HOÀI GIANG

CÔNG TY CỔ PHẦN APECI

TỔNG GIÁM ĐỐC

TRẦN VŨ PHƯƠNG



CÔNG TY CỔ PHẦN APECI

Địa chỉ: Tầng 3 tòa nhà Machinco 444 Hoàng Hoa Thám, Tây Hồ, Hà Nội

Tel: 043.577.1983

Fax: 043.577.1985

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Quý II năm 2015

Mẫu số B 02 - DN/HN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Quý II năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	Quý II năm 2015	Quý II năm 2014	Lũy kế đến Quý II năm 2015	Lũy kế đến Quý II năm 2014
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	17	177,221,913	-	177,221,913	-
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	03	18	-	-	-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		177,221,913	-	177,221,913	-
4. Giá vốn hàng bán	11	19	234,586,100	-	234,586,100	-
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		(57,364,187)	-	(57,364,187)	-
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	20	31,394,165,917	2,221,017,202	63,517,584,282	5,720,663,006
7. Chi phí tài chính	22	21	82,941,817	-	101,741,742	-
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		29,547,000	-	48,346,925	-
8. Chi phí bán hàng	24		-	-	-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	22	(14,903,133)	1,016,629,127	3,535,844,604	2,102,797,205
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		31,268,763,046	1,204,388,075	59,822,633,749	3,617,865,801
11. Thu nhập khác	31		-	-	-	-
12. Chi phí khác	32	23	-	-	-	-
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		-	-	-	-
14. Phần lãi hoặc lỗ do công ty liên kết			(19,067,002)	-	(19,067,002)	-
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40+45)	50		31,249,696,044	1,204,388,075	59,803,566,747	3,617,865,801
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	15	11,006,099,692	-	11,006,099,692	(181,131,548)

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	Quý II năm 2015	Quý II năm 2014	Lũy kế đến Quý II năm 2015	Lũy kế đến Quý II năm 2014
18 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		20,243,596,352	1,204,388,075	48,797,467,055	3,798,997,349

Hà Nội, ngày 10 tháng 07 năm 2015

CÔNG TY CỔ PHẦN APECI

TỔNG GIÁM ĐỐC

KẾ TOÁN TRƯỞNG


 NGUYỄN HOÀI GIANG




CÔNG TY CỔ PHẦN APECI

Địa chỉ: Tầng 3 tòa nhà Machinco 444 Hoàng Hoa Thám, Tây Hồ, Hà Nội

Tel: 043.577.1983

Fax: 043.577.1985

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý II năm 2015

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT*(Theo phương pháp gián tiếp)*

Quý II năm 2015

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	Đến Quý II năm 2015	Đến Quý II năm 2014
I	Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1.	<i>Lợi nhuận trước thuế</i>	01	59,803,566,747	(3,312,938,333)
2.	<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>			
	- Khấu hao TSCĐ	02	76,868,030	110,586,366
	- Các khoản dự phòng	03	37,340,000	(914,835,000)
	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(63,465,534,895)	(1,522,692,613)
	- Chi phí lãi vay	06	48,346,925	505,778,488
3.	<i>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	08	(3,499,413,193)	(5,134,101,092)
	- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	(68,441,426,839)	(22,681,869,929)
	- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	12,259,202,058	(1,901,950,082)
	- Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay)	11	27,193,269,155	37,143,271,817
	- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	(7,462,502)	(426,031,798)
	- Tiền lãi vay đã trả	13	(48,346,925)	(506,664,044)
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(57,915,436)
	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	155,856,000	4,744,500,000
	- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(155,856,000)	(295,366,582)
	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20	(32,544,178,246)	10,883,872,854
II.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn	21	(1,176,401,721)	(39,138,600,919)
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	(6,500,000,000)
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	22,300,000,000
6.	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	30,738,927,100	
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức lợi nhuận được chia	27	831,161,860	621,502,613

	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30	30,393,687,239	(22,717,098,306)
III.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở	31	97,648,181,818	-
3.	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn đã nhận được	33	7,840,000,000	20,498,125,891
4.	Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(22,840,000,000)	(9,500,000,000)
			82,648,181,818	
	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40	82,648,181,818	10,998,125,891
	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50	80,497,690,811	(835,099,561)
	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	13,569,330,576	6,904,553,830
	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	70	94,067,021,387	6,069,454,269

Hà Nội, ngày 10 tháng 07 năm 2015

CÔNG TY CỔ PHẦN APECI

TỔNG GIÁM ĐỐC

KẾ TOÁN TRƯỞNG

NGUYỄN HOÀI GIANG



TRẦN VŨ PHƯƠNG

CÔNG TY CỔ PHẦN APECI

Địa chỉ: Tầng 3 ,tòa MACHINCO 444 Hoàng Hoa Thám, Tây Hồ, Hà Nội
Tel: 043.577.1983 Fax: 043.577.1985

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý II năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**1. Tổ chức và hoạt động chính:**

Công ty Cổ phần Đầu tư Châu Á – Thái Bình Dương (“Công ty”) là công ty cổ phần hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 0103013346 ngày 31 tháng 07 năm 2006 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp. Trong quá trình hoạt động, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đã được sửa đổi như sau:

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh:Nội dung điều chỉnh

Số: 0103013346 ngày 12 tháng 10 năm 2007

Thay đổi ngành nghề kinh doanh và số cổ phần của cổ đông sáng lập

Số: 0103013346 ngày 11 tháng 03 năm 2008

Thay đổi ngành nghề kinh doanh và số cổ phần của cổ đông sáng lập

Số: 0103013346 ngày 16 tháng 10 năm 2008

Thay đổi ngành nghề kinh doanh

Số: 0103013346 ngày 21 tháng 07 năm 2010

Thay đổi địa chỉ đăng ký kinh doanh

Số: 0102005769 ngày 01 tháng 11 năm 2012

Thay đổi vốn điều lệ trên đăng ký kinh doanh

Số : 0102005769 ngày 17 tháng 04 năm 2015

Thay đổi vốn điều lệ

Số : 0102005769 ngày 30 tháng 6 năm 2015

Thay đổi địa chỉ trụ sở chính

Vốn điều lệ của Công ty ghi trên giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là: 364 tỷ đồng.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số: Tầng 3 tòa nhà MACHINCO 444 Hoàng Hoa Thám, P. Thụy Khuê, Quận Tây Hồ, Hà Nội.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực: Dịch vụ tư vấn đầu tư trong và ngoài nước; Tư vấn, môi giới, kinh doanh bất động sản; Tư vấn về quản lý kinh doanh, chiến lược kinh doanh; Nghiên cứu, phân tích thị trường; Tư vấn mua, bán, sáp nhập doanh nghiệp cổ phần hóa; Tư vấn lập và quản lý dự án đầu tư; Dịch vụ môi giới, xúc tiến thương mại; Dịch vụ tổ chức sự kiện, hội nghị, hội thảo, triển lãm; Dịch vụ quan hệ công chúng; Quảng cáo thương mại và phi thương mại; Nhận ủy thác đầu tư; Dịch vụ đánh giá hiệu quả kinh tế dự án; Dịch vụ cầm đồ; Dịch vụ ủy thác xuất nhập khẩu; Đại lý mua, đại lý bán, ký gửi hàng hóa; Kinh doanh, khai thác và quản lý chợ.

Các đơn vị trực thuộc và công ty con:

Tên đơn vị	Địa chỉ	Giám Đốc
Công ty TNHH Châu á – Thái bình Dương Bắc Ninh	Khu Thanh Sơn, Phường Vũ Ninh, TP bắc Ninh	Nguyễn Chí Vượng
Công ty Cổ phần APEC Land Huế	Số 30 Lê Lợi, TP. Huế	Hồ Xuân Vinh
Công Ty cổ phần APEC hà Nam	Tầng 3 nhà 205 đường Lê Hoàn, P. Quang Trung, TP Phú Lý, Hà Nam	Nguyễn Hoàng Linh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
(Tiếp theo)

Công ty Cổ phần Đầu tư APEC Túc Duyên	Ngã 3 Bắc Nam, Tổ 22 Phường Gia Sàng, Thành phố Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh	Nguyễn Hoàng Linh
---------------------------------------	---	-------------------

Khái quát chung về Công ty con:

- Công ty TNHH 1 TV Châu á Thái Bình Dương- bắc Ninh

Công ty TNHH 1 TV Châu á Thái Bình Dương- bắc Ninh được thành lập theo giấy đăng ký kinh doanh số 2300558864 do phòng ĐKKD - Sở kế hoạch đầu tư tỉnh Bắc Ninh ký ngày 19/7/2010. Giấy chứng nhận ĐKKD thay đổi lần 2 ngày 04/8/2010.

Vốn điều lệ 50.000.000.000đ (Năm mươi triệu đồng)

Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết của Công ty Cổ phần Đầu tư Châu á Thái Bình Dương trong Công ty TNHH 1 TV Châu á Thái Bình Dương - Bắc Ninh là 100%

- Công ty Cổ phần Đầu tư APEC Thái Nguyên:

Công ty Cổ phần Đầu tư APEC Thái Nguyên được thành lập theo giấy chứng nhận đầu tư số :172031000013 do Ban Quản lý các khu Công nghiệp Thái Nguyên cấp ngày 04/6/2009.

Vốn điều lệ : 100.000.000.000 đồng

Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết của Công ty Cổ phần Đầu tư Châu Á Thái Bình Dương trong Công ty cổ phần Đầu tư APEC Thái Nguyên là 84%

- Công ty Cổ phần APEC Land Huế

Công ty Cổ phần APEC Land Huế được thành lập theo giấy đăng ký kinh doanh số 3301232560 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Nam cấp ngày 30/5/2012

Vốn điều lệ 100.000.000.000 đồng.

Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết của Công ty Cổ phần Đầu tư Châu á Thái Bình Dương trong công ty Cổ phần APEC Land Huế là 55%

- Công ty Cổ phần APEC Túc Duyên

Công ty Cổ phần APEC Túc Duyên được thành lập theo giấy đăng ký kinh doanh số 4601240821 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 27/3/2015.

Vốn điều lệ : 100.000.000.000đồng

Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết của Công ty Cổ phần Đầu tư Châu á Thái Bình Dương trong công ty Cổ phần Đầu tư APEC Túc Duyên là 99%.

2. Tóm tắt chính sách kế toán chủ yếu:**Năm tài chính**

Năm tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(Tiếp theo)

Cơ sở lập báo cáo hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần đầu tư Châu á Thái bình dương với các Báo cáo tài chính của các Công ty con là : Công ty TNHH I TV Châu á Thái Bình Dương Bắc Ninh , Công ty Cổ phần APEC Land Huế, Công ty Cổ phần Đầu tư APEC Thái Nguyên.

Các nghiệp vụ luân chuyển nội bộ và số dư nội bộ giữa Công ty Cổ phần Đầu tư Châu á Thái Bình Dương với các công ty con đã được loại trừ khi hợp nhất trong báo cáo tài chính.

Lợi ích của Cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của Công ty con khi hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của Công ty. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm : giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu từ ngày hợp nhất kinh doanh.

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đồng Việt nam (“VND”), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các nguyên tắc kế toán được chấp nhận chung tại Việt Nam. Các nguyên tắc này bao gồm các quy định tại các chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định về kế toán hiện hành tại Việt Nam. Do đó, bảng cân đối kế toán và các báo cáo có liên quan về kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ và việc sử dụng chúng không được lập cho những người không được thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và phương pháp kế toán của Việt Nam, và hơn nữa, không nhằm mục đích phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ, phù hợp với các nguyên tắc và phương pháp kế toán được thừa nhận chung ở các nước và thể chế khác ngoài Việt Nam.

Áp dụng Luật kế toán và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam

a) Luật kế toán

Trong năm, Công ty đã tuân thủ Luật kế toán ban hành ngày 17 tháng 06 năm 2003 và Nghị định kèm theo số: 129/2004/NĐ-CP ban hành ngày 31 tháng 05 năm 2004 của Chính Phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Kế toán áp dụng trong hoạt động kinh doanh.

b) Chuẩn mực kế toán Việt Nam

Trong năm, Công ty đã áp dụng Chế độ kế toán Việt nam ban hành theo quyết định số: 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006, và trong phạm vi liên quan, các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện.

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

a) Nguyên tắc xác định các khoản tiền mặt, tiền gửi ngân hàng

Tiền mặt là khoản tồn quỹ tại Công ty tại ngày kết thúc kỳ/năm tài chính và có sự đối chiếu với sổ quỹ tiền mặt.

Tiền gửi ngân hàng là các khoản tiền gửi tại các ngân hàng được phép hoạt động hợp pháp tại Việt Nam và được đối chiếu số dư với các Ngân hàng tại ngày kết thúc năm tài chính.

b) Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(Tiếp theo)

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua các khoản đầu tư đó tại ngày kết thúc năm tài chính.

c) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND phát sinh trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái tương ứng tại ngày giao dịch. Các khoản mục tài sản và công nợ có gốc bằng các đơn vị tiền tệ khác với VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng công bố tại thời điểm cuối năm tài chính. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện và đã thực hiện đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được phản ánh theo giá trị ước tính có thể thu hồi sau khi trừ đi dự phòng các khoản phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi được lập và dựa vào đánh giá của Ban Giám đốc về các khoản nợ không có khả năng thu hồi.

Các khoản phải thu khách hàng, trả trước người bán, phải thu nội bộ, và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo:

- Nếu có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới một năm hoặc một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn.
- Nếu có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên một năm hoặc một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được tính vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Khi tài sản được bán hay không được sử dụng nữa, nguyên giá và hao mòn lũy kế của tài sản được loại khỏi tài khoản và lãi/lỗ phát sinh từ việc thanh lý tài sản được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua tài sản, thuế nhập khẩu, các khoản thuế trực thu và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái và vị trí sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào sử dụng như: chi phí sửa chữa; bảo dưỡng và đại tu, thường được hạch toán vào hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ phát sinh chi phí. Trong trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng là các chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế tương lai ước tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt quá tiêu chuẩn hoạt động đánh giá ban đầu của tài sản, thì các chi phí này được vốn hóa làm tăng nguyên giá của tài sản cố định hữu hình.

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

<u>Tài sản</u>	<u>Số năm khấu hao</u>
Máy móc và thiết bị	7

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT*(Tiếp theo)*

Phương tiện vận tải	10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3

Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo Chuẩn mực kế toán số: 04- “Tài sản cố định vô hình”, ban hành theo quyết định số: 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 và thông tư số: 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực trên.

Phần mềm máy tính:

Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao trong 3 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang:

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh giá trị nhà xưởng và máy móc thiết bị chưa được hoàn thành việc xây dựng và lắp đặt và được thể hiện theo nguyên giá. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang không được trích khấu hao cho tới khi các tài sản đó hoàn thành và được đưa vào sử dụng.

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

Khi thanh lý/nhượng bán bất động sản đầu tư, chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản đầu tư được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán.

Các khoản đầu tư

a) Các khoản đầu tư ngắn hạn

Các khoản đầu tư ngắn hạn bao gồm: quyền sở hữu các loại cổ phiếu; công trái; chứng khoán niêm yết có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành tiền và có thời gian đầu tư dự kiến không quá một năm. Giá trị các khoản đầu tư ngắn hạn này được xác định theo giá mua thực tế.

b) Các khoản đầu tư dài hạn

Các khoản đầu tư dài hạn vào chứng khoán, công ty con và công ty liên kết được ghi nhận theo giá gốc. Các khoản lợi nhuận được phân phối từ lợi nhuận lũy kế của các công ty con và công ty

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(Tiếp theo)

liên kết sau ngày thực hiện các khoản đầu tư được hạch toán vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí tài chính trong kỳ.

c) Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư

Dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư được trích lập nhằm phản ánh chênh lệch giảm giữa giá trị đầu tư theo sổ sách với giá trị thị trường tại thời điểm lập báo cáo tài chính. Việc trích lập dự phòng được thực hiện cho từng khoản đầu tư và từng loại chứng khoán thuộc sở hữu của công ty.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay ngắn hạn, lãi tiền vay dài hạn, kể cả lãi tiền vay trên các khoản thấu chi.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong kỳ ngoại trừ các khoản được vốn hóa. Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa vào nguyên giá tài sản đó). Chi phí đi vay được vốn hóa khi công ty chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó và chi phí đi vay có thể xác định được một cách đáng tin cậy.

Tài sản dở dang là tài sản đang trong quá trình đầu tư xây dựng và tài sản đang trong quá trình sản xuất cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán.

Chi phí chờ phân bổ và chi phí trả trước dài hạn

Chi phí chờ phân bổ được trình bày ở khoản mục chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán. Các khoản mục này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoản thời gian mà lợi ích kinh tế dự kiến được tạo ra.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong thời gian 2 năm:

- Công cụ, dụng cụ xuất dùng với giá trị lớn

Các khoản phải trả người bán

Các khoản phải trả người bán bao gồm: các khoản phải trả cho nhà cung cấp tài sản; vật tư; hàng hóa; dịch vụ được theo dõi chi tiết cho từng đối tượng phải trả. Trong trường hợp vật tư, hàng hóa, dịch vụ đã nhận nhưng đến cuối kỳ vẫn chưa có hóa đơn thì kế toán sử dụng giá tạm tính để ghi sổ trị giá các khoản phải trả của hàng nhập chưa có hóa đơn này. Sau đó kế toán thực hiện điều chỉnh theo giá thực tế khi đã có hóa đơn.

Các khoản chiết khấu thanh toán, giảm giá hàng bán của người bán được hạch toán tương ứng với khoản phải trả có liên quan để ghi giảm số nợ phải trả phát sinh ban đầu.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của năm tài chính bao gồm thuế thu nhập phải trả trong năm và thuế thu nhập hoãn lại.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT*(Tiếp theo)*

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành thể hiện số thuế phải nộp trong năm tài chính theo thuế suất được áp dụng vào ngày kết thúc năm tài chính và bất kỳ bút toán điều chỉnh đối với số thuế phải nộp của năm trước.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định theo phương pháp ghi nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán dựa trên số chênh lệch tạm thời giữa cơ sở tính thuế của tài sản và công nợ với giá trị sổ sách của các khoản mục này. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự kiến sẽ áp dụng trong năm tài chính mà tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thu hồi hay thuế thu nhập hoãn lại phải trả dựa trên mức thuế suất có hiệu lực vào ngày kết thúc năm tài chính.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ và số lỗ thuế chưa sử dụng trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ và số lỗ tính thuế chưa sử dụng đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xem xét vào ngày kết thúc năm tài chính và được giảm đến mức chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép sử dụng một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại.

Nguồn vốn chủ sở hữu

a) Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận trên sơ sở thực tế vốn góp

b) Ghi nhận cổ tức

Các cổ tức trả cho các cổ phiếu ưu đãi phải hoàn trả được ghi nhận là một khoản nợ phải trả trên cơ sở dồn tích. Các cổ tức khác được ghi nhận là nợ phải trả trong kỳ cổ tức được công bố.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia ra cho các cổ đông sau khi được Đại hội cổ đông phê duyệt và sau khi trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam. Cổ tức được công bố từ phân lợi nhuận chưa phân phối dựa trên tỷ lệ sở hữu hợp pháp của từng cổ đông. Lợi tức chia cho các cổ đông hàng năm do kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh không vượt quá 70% lợi nhuận và không vượt quá 100% vốn cổ phần.

c) Nguyên tắc trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế

Các quỹ của Công ty được trích lập từ lợi nhuận sau thuế như sau:

• Quỹ khen thưởng	1% – 10%
• Quỹ phúc lợi	1% - 5%
• Quỹ đầu tư phát triển	1% - 15%
• Quỹ dự trữ tài chính	0% - 5%
• Quỹ dự phòng việc làm	0% - 5%
• Chia cổ tức cổ đông	5% - 70%
• Tăng vốn điều lệ đích danh	5% - 70%

Trích các quỹ từ lợi nhuận không vượt quá 30% lợi nhuận

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

a) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua.

b) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được các chi phí đã ghi nhận.

c) Tiền lãi, bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia:

Tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ các giao dịch tương ứng và doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ. Tiền bản quyền được ghi nhận trên cơ sở dồn tích phù hợp với hợp đồng. Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Thuê hoạt động

Các khoản thanh toán cho thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê.

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Các sự kiện phát sinh sau ngày khóa sổ kế toán mà cung cấp thêm thông tin về tình hình tài chính của Công ty tại ngày khóa sổ kế toán ("các sự kiện điều chỉnh") được phản ánh trên báo cáo tài chính. Các sự kiện phát sinh sau ngày khóa sổ kế toán không phải là các sự kiện điều chỉnh được trình bày trên thuyết minh báo cáo tài chính nếu trọng yếu.

Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán

Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán, như được định nghĩa trong Hệ thống Kế toán Việt Nam, được trình bày ở các thuyết minh thích hợp của các báo cáo tài chính này.

Số dư bằng không

Các khoản mục hay số dư được quy định trong các mẫu báo cáo của Hệ thống Kế toán Việt Nam không thể hiện trên các báo cáo tài chính thì được hiểu là có số dư bằng không.

Phận loại lại

CÔNG TY CỔ PHẦN APECI

Địa chỉ: Tầng 3, tòa MACHINCO 444 Hoàng Hoa Thám, Tây Hồ, Hà Nội

Tel: 043.577.1983

Fax: 043.577.1985

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý II năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(Tiếp theo)

Một số tài khoản trong báo cáo tài chính năm trước được phân loại lại cho phù hợp với sự trình bày báo cáo tài chính của năm nay.

CÔNG TY CỔ PHẦN APECI

Địa chỉ: Tầng 3 tòa nhà Machinco 444 Hoàng Hoa Thám, Tây Hồ, Hà Nội

Tel: 043.577.1983

Fax: 043.577.1985

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý II năm 2015

Mẫu số B 09 - DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
(tiếp theo)

3 Tiền và các khoản tương đương tiền		30/06/2015	01/01/2015		
Nội dung					
Tiền mặt tại quỹ		32,661,743	212,566,233		
Tiền gửi ngân hàng		14,625,359,644	4,356,764,343		
Các khoản tương đương tiền - Tiền gửi có kỳ hạn		79,409,000,000	9,000,000,000		
Tổng cộng		94,067,021,387	13,569,330,576		
4 Đầu tư ngắn hạn		30/06/2015	01/01/2015		
Nội dung					
Cổ phiếu Công ty Cổ phần thép Đình Vũ		4,533,025,000	4,533,025,000		
Cổ phiếu Công ty Cổ phần APECS		2,987,200,000	2,987,200,000		
Cổ phiếu Công ty CP TMDV&XNK Hải Phòng		1,130,000,000	1,130,000,000		
Cổ phiếu Tety CP ĐT&XNK Foodinco		701,190,000	701,190,000		
Cổ phiếu TCTy CP Đầu tư Phát triển Xây dựng (DIG)		-	-		
Cổ phiếu Công ty Cổ phần Len Hà Đông		999,950,000	999,950,000		
Cổ phiếu Công ty Cổ phần Len Hà Đông		413,250,000	413,250,000		
Cổ phiếu ngân hàng TMCP Hàng Hải		4,105,000	4,105,000		
Cổ phiếu Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng		9,114,964,772	9,131,019,589		
Ủy thác đầu tư		-	-		
Công ty Cổ phần xây dựng số 2		1,030,000	1,030,000		
Công ty Cổ phần HANOIMILK		1,472,000	1,472,000		
Tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn trên 3 tháng		5,000,000,000	5,000,000,000		
Tổng cộng		24,886,186,772	24,902,241,589		
5 Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		30/06/2015	01/01/2015		
Nội dung					
Số dư tại đầu kỳ		2,521,274,000	3,370,764,000		
Tăng dự phòng trong kỳ		37,340,000	65,345,000		
Hoàn nhập dự phòng trong kỳ		-	(914,835,000)		
Số dư cuối kỳ		2,558,614,000	2,521,274,000		
6 Các khoản phải thu khác		30/06/2015	01/01/2015		
Nội dung					
Phải thu cá nhân		44,272,896,962	45,005,792,401		
Phải thu APS		678,500,000	5,678,500,000		
Phải thu Công ty CP Khoáng sản Châu á Thái Bình Dương		386,000,000	386,000,000		
Phải thu APEC TN về các khoản chi hộ		18,135,537,685	-		
Phải thu về chuyên nhượng cổ phần APEC Thái Nguyên		90,375,000,000	-		
Các khoản phải thu khác		12,184,781,288	11,495,913,985		
Số dư cuối kỳ		166,032,715,935	62,566,206,386		
7 Chi phí trả trước ngắn hạn		Số dư đầu năm	Tăng	Phân bổ	Số dư cuối kỳ
Nội dung					
Chi phí đi thuê văn phòng		-	-	-	-
Số dư cuối kỳ		-	-	-	-

8 Tài sản ngắn hạn khác		30/06/2015	01/01/2015
Nội dung			
Tạm ứng		40,815,509,600	31,042,140,620
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn		1,361,098,582	1,361,098,582
Số dư cuối kỳ		42,176,608,182	32,403,239,202

9 Tài sản cố định hữu hình				
Nội dung	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	-	1,537,360,605	-	1,537,360,605
Tăng trong kỳ	-	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ		1,537,360,605	-	1,537,360,605
Giá trị hao mòn				
Số dư đầu năm	-	918,094,564	-	918,094,564
Khấu hao trong kỳ	-	76,868,030	-	76,868,030
Giảm trong kỳ	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ		994,962,594	-	994,962,594
Giá trị còn lại				
Số dư đầu năm	-	619,266,041	-	619,266,041
Số dư cuối kỳ		542,398,011	-	542,398,011

10 Tài sản cố định vô hình		
Nội dung	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
Nguyên giá		
Số dư đầu năm	52,888,000	52,888,000
Số dư cuối kỳ		52,888,000
Giá trị hao mòn		
Số dư đầu năm	52,888,000	52,888,000
Khấu hao trong kỳ	-	-
Giảm trong kỳ	-	-
Số dư cuối kỳ		52,888,000
Giá trị còn lại		
Số dư đầu năm	-	-
Số dư cuối kỳ		-

11 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang				
Nội dung	Số dư đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Điều chỉnh giảm	Số dư cuối kỳ
KCN vừa và nhỏ Đa Hội - Bắc Ninh	132,212,117,478	705,044,321	50,409,486,595	82,507,675,204
Khu Trung tâm TM Thái Nguyên	38,158,460,209	-	-	38,158,460,209
Chung cư Văn Phú	789,550,835	-	-	789,550,835
Dự án quản lý chợ Tam Đa	5,422,785,603	-	-	5,422,785,603
Khu công nghiệp Điềm Thụy	89,106,111,228	-	85,747,580,205	3,358,531,023
TTTTM Bắc Ninh	4,657,197,471	-	-	4,657,197,471
Đa TP Công Nghệ Cao Hà Nam	1,128,806,976	-	-	1,128,806,976
Trạm nghiên đá	1,496,028,086	-	-	1,496,028,086

Dự án đô thị Green life- An Vân Dục	1,446,712,812	471,357,400		1,918,070,212
Các dự án khác	2,864,717,223		1,157,271,115	1,707,446,108
Tổng Cộng	277,282,487,921	1,176,401,721	136,157,066,800	141,144,551,727

12 Đầu tư vào công ty con

Nội dung	Tỷ lệ Sở hữu	Giá trị đầu tư	
		30/06/2015	01/01/2015
Công ty CP Đầu tư APEC Thái Nguyên	85%		
Công ty CP APEC Land Huế	55%		
Công ty TNHH I TV Châu Á TBD Bắc Ninh	100%		-
Tổng cộng		-	-

13 Đầu tư vào Công ty Liên doanh, Liên kết

Nội dung	Tỷ lệ Sở hữu	Giá trị đầu tư	
		30/06/2015	01/01/2015
Công ty CP Khoáng sản Châu Á _ TBD		-	-
Công ty TNHH Lương Bằng	25%	340,000,000	340,000,000
Ban quản lý Trường ĐH Tư thục ĐNA	23%	575,000,000	575,000,000
Công Ty Cp Đầu tư Quốc tế & Phát triển doanh nghiệp	20%	55,055,100,500	55,074,167,502
Tổng cộng		55,970,100,500	55,989,167,502

14 Đầu tư dài hạn khác

Nội dung	Ghi chú	30/06/2015	01/01/2015
Cổ phiếu Cty CP Đầu tư Bất động sản Hà Nội (C'LAND)		40,334,400,000	40,334,400,000
Tổng cộng		40,334,400,000	40,334,400,000

15 Tình hình thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà nước

Nội dung	Số dư đầu năm	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Số dư cuối kỳ
Thuế GTGT được khấu trừ				
Thuế GTGT đầu vào	3,159,152,670	457,466,465	-	3,616,619,135
Tổng cộng	3,159,152,670	457,466,465	-	3,616,619,135
Thuế và các khoản phải nộp nhà nước				
Thuế GTGT	-	-	-	-
Thuế TNDN	16,520,665	11,006,099,692	466,677	11,022,153,680
Thuế TNCN	485,937,423	113,957,229	248,693,930	351,200,722
Các loại thuế khác				
Thuế nhà đất				
Tổng cộng:	502,458,088	11,120,056,921	249,160,607	11,373,354,402

15.1 Thuế Giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất thuế giá trị gia tăng theo quy định của pháp luật hiện hành

15.2 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với mức thuế suất 22% trên lợi nhuận chịu thuế

a Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm

b Chuyển lỗ từ các năm trước

Công ty được phép chuyển các khoản lỗ tính thuế sang kỳ sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng 5 năm kể từ sau năm phát sinh khoản lỗ đó. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán quý II, Công ty có khoản lỗ lũy kế là: 76.549.388.926 đồng có thể được bù trừ với lợi nhuận phát sinh trong tương lai. Chi tiết như sau:

Nội dung	Lũy kế đến quý II	
	Quý II/2015	năm 2015
Lợi nhuận/(lỗ) thuần trước thuế	31,307,060,231	59,803,566,747
Các khoản điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận/(lỗ)	-	539,949,319
Thu nhập từ hoạt động không thuộc diện nộp thuế TNDN	-	-
Lợi nhuận/(lỗ) điều chỉnh trước thuế	31,307,060,231	60,343,516,066
Lỗ năm trước chuyển sang	(10,249,995,875)	(10,249,995,875)
Thu nhập chịu thuế ước tính năm hiện hành	-	50,093,520,191
Thuế TNDN phải trả ước tính	-	11,006,099,692
Thuế TNDN phải trả đầu năm	-	-
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu/(thừa) năm trước	-	-
Thuế TNDN đã trả trong năm	-	-
Thuế TNDN phải trả cuối kỳ	-	11,006,099,692

16.2 Tình hình biến động vốn cổ phần trong năm như sau:

Nội dung	30/6/2015	01/01/2015
Vốn đầu năm	264,000,000,000	264,000,000,000
Vốn cổ phần tăng trong năm	100,000,000,000	-
Vốn cổ phần cuối năm	364,000,000,000	264,000,000,000
Cổ tức lợi nhuận đã chia	-	-

16.3 Cổ phiếu

Nội dung	-	-
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành trong kỳ	10,000,000	26,400,000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành trong kỳ	10,000,000	26,400,000
<i>Cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng</i>	<i>10,000,000</i>	<i>26,400,000</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	36,400,000	36,400,000
<i>Cổ phiếu thường</i>	<i>26,400,000</i>	<i>26,400,000</i>
<i>Cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng</i>	<i>10,000,000</i>	

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng/cổ phiếu

Toàn bộ số cổ phiếu thường của Công ty hiện nay đang được giao dịch trên sàn HNX

17 Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ

Nội dung	Quý II năm 2015	Lũy kế đến quý II năm 2015
Doanh thu cho thuê lại Văn phòng	-	-
Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	-	-
Tổng cộng:	-	-

19 Giá vốn bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ

Nội dung	Quý II năm 2015	Lũy kế đến quý II năm 2015
Giá vốn hoạt động kinh doanh bất động sản	-	-
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	-	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	-
Lãi đầu tư góp vốn bất động sản	-	-
Tổng cộng:	-	-

20 Doanh thu hoạt động tài chính

Nội dung	Quý II năm 2015	Lũy kế đến quý II năm 2015
Lãi đầu tư chứng khoán	-	-
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	248,418,365	860,447,247
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	22,764,000
Lãi thanh lý khoản đầu tư APEC TN	30,759,373,035	62,634,373,035
Tổng cộng:	31,007,791,400	63,517,584,282

21 Chi phí tài chính

Nội dung	Quý II năm 2015	Lũy kế đến quý II năm 2015
Chi phí lãi vay	29,547,000	48,346,925
Phí lưu ký chứng khoán	16,054,817	16,054,817
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	37,340,000	37,340,000
Hoàn nhập dự phòng	-	-

Tổng cộng:	82,941,817	101,741,742
-------------------	-------------------	--------------------

22 Chi phí quản lý doanh nghiệp

Nội dung	Lũy kế đến quý II	
	Quý II năm 2015	năm 2015
Chi phí nhân viên quản lý	716,695,319	1,703,788,368
Chi phí đồ dùng Văn phòng		
Chi phí khấu hao	38,434,015	76,868,030
Thuế, phí và lệ phí	28,198,687	28,198,687
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5,399,000	7,685,020
Chi phí khác	(803,630,154)	1,716,621,001
Tổng cộng:	(14,903,133)	3,533,161,106

23 Thu nhập khác

Nội dung	Lũy kế đến quý II	
	Quý II năm 2015	năm 2015
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	-	-
Thu nhập khác	-	-
Tổng cộng:	-	-

23 Chi phí khác

Nội dung	Lũy kế đến quý II	
	Quý II năm 2015	năm 2015
Thanh lý TSCĐ	-	-
Chi phí khác	-	-
Tổng cộng:	-	-

25 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Nội dung	Lũy kế đến quý II	
	Quý II năm 2015	năm 2015
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông phổ thông		
- Lợi nhuận thuần trong năm	20,300,960,539	48,797,467,055
- Nộp phạt tiền phạt nộp chậm thuế		-
- Cổ tức chia cho cổ đông ưu đãi	-	-
Lợi nhuận thuần chia cho cổ đông phổ thông	20,300,960,539	48,797,467,055
Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân trong năm		
- Số lượng cổ phiếu đầu năm	26,400,000	26,400,000
- Số lượng cổ phiếu bình quân phát hành trong năm	6,880,000	6,880,000
- Số lượng cổ phiếu bình quân mua lại trong năm	-	-
Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân trong năm	33,280,000	33,280,000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	610	1,466

KẾ TOÁN TRƯỞNG

NGUYỄN HOÀI GIANG

Hà Nội, ngày 07 tháng 07 năm 2015



TRẦN VŨ PHƯƠNG